

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 28778
	Giờ.....Ngày 16 tháng 8 năm 12

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA

443 Lý Thường Kiệt, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bibica (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Jung Woo, Lee
Ông Trương Phú Chiến
Ông Võ Ngọc Thành
Ông Nguyễn Ngọc Hòa
Ông Jeong Hoon, Cho
Ông Seok Hoon Yang
Ông Phan Văn Thiện

Chức vụ

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên

Miễn nhiệm ngày 24/03/2012

Miễn nhiệm ngày 24/03/2012

Ban Giám đốc

Ông Trương Phú Chiến
Ông Phan Văn Thiện
Ông Nguyễn Quốc Hoàng

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Trương Phú Chiến
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Số: 198 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bibica

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 của Công ty Cổ phần Bibica (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10/08/2012 từ trang 3 đến trang 26 kèm theo. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 01, việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Khoản cho Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết vay 05 tỷ đồng: Tại bản án số 20/2012/KDTM-ST ngày 21/6/2012 của Tòa án quận Tân Bình đã thông qua phán quyết Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết phải trả Công ty cả gốc và lãi với số tiền là 9.052.812.500 VND, tuy nhiên đến ngày 30/06/2012 Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết vẫn chưa thanh toán. Tại ngày 30/06/2012, Công ty chưa trích lập thêm dự phòng cho khoản phải thu khó đòi này vào kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012, số tiền trích thiếu là 2,5 tỷ đồng.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng đến báo cáo tài chính, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Minh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0294/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012



Nguyễn Phương Lan
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0917/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		452.255.415.674	506.689.260.461
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	6.762.026.286	60.205.056.669
1. Tiền	111		6.762.026.286	13.205.056.669
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	47.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	6.005.378.901	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		15.380.131.745	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(9.374.752.844)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		341.846.578.958	349.029.814.688
1. Phải thu khách hàng	131	7	308.247.904.927	314.750.102.371
2. Trả trước cho người bán	132		2.975.079.879	5.225.553.238
3. Các khoản phải thu khác	135	8	33.659.855.323	32.706.235.283
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	9	(3.036.261.171)	(3.652.076.204)
IV. Hàng tồn kho	140	10	91.452.116.979	91.203.796.827
1. Hàng tồn kho	141		93.189.918.335	92.825.867.690
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.737.801.356)	(1.622.070.863)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.189.314.550	6.250.592.277
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		978.544.524	1.342.332.382
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.312.409.569	3.208.208.861
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	11	1.024.839.171	388.931.810
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		873.521.286	1.311.119.224
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		209.442.171.018	221.238.957.839
I. Tài sản cố định	220		139.483.442.127	146.181.911.235
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	106.457.579.867	111.408.242.530
- Nguyên giá	222		283.138.033.939	278.551.640.466
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(176.680.454.072)	(167.143.397.936)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.414.257.051	1.519.953.635
- Nguyên giá	228		3.613.177.152	3.613.177.152
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.198.920.101)	(2.093.223.517)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	31.611.605.209	33.253.715.070
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	15	65.294.339.551	69.940.111.851
1. Đầu tư vào công ty con	251		65.294.339.551	65.294.339.551
2. Đầu tư dài hạn khác	258		-	15.398.497.149
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(10.752.724.849)
III. Tài sản dài hạn khác	260		4.664.389.340	5.116.934.753
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	4.664.389.340	5.116.934.753
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		661.697.586.692	727.928.218.300

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

MÁU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		114.472.800.663	153.620.921.526
I. Nợ ngắn hạn	310		110.641.390.923	151.087.511.786
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	2.103.247.640	876.135.746
2. Phải trả người bán	312	18	79.568.942.484	75.773.024.761
3. Người mua trả tiền trước	313		5.129.931.163	7.059.878.473
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	937.625.710	15.016.721.130
5. Phải trả người lao động	315		3.370.084.605	4.826.838.538
6. Chi phí phải trả	316	20	13.765.187.018	42.859.194.866
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	3.198.703.426	2.544.092.395
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.567.668.877	2.131.625.877
II. Nợ dài hạn	330		3.831.409.740	2.533.409.740
1. Phải trả dài hạn khác	333		2.973.616.000	1.675.616.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		857.793.740	857.793.740
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		547.224.786.029	574.307.296.774
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	547.224.786.029	574.307.296.774
1. Vốn điều lệ	411		154.207.820.000	154.207.820.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		302.726.583.351	302.726.583.351
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	317.338.936
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		85.330.469.603	62.102.469.603
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.562.431.382	9.244.431.382
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(6.602.518.307)	45.708.653.502
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		661.697.586.692	727.928.218.300

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2012	31/12/2011
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	154.956,93	29.631,66
- EUR	30,55	15.378,63



Trương Phú Chiến
Tổng Giám đốc
Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Ngô Thị Kim Phụng
Kế toán trưởng

Vũ Văn Thức
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MẪU SỐ B 02 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
1. Doanh thu bán hàng	01		359.861.996.626	394.662.203.312
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.513.906.555	5.281.834.501
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	23	354.348.090.071	389.380.368.811
4. Giá vốn hàng bán	11	24	281.353.350.201	318.450.231.204
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		72.994.739.870	70.930.137.607
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	2.835.893.109	9.350.654.534
7. Chi phí tài chính	22	27	562.418.181	6.223.307.819
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	3.516.439.287
8. Chi phí bán hàng	24		64.272.109.516	46.653.992.960
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.033.200.753	17.933.382.084
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		(7.037.095.471)	9.470.109.278
11. Thu nhập khác	31		1.536.433.437	1.580.274.066
12. Chi phí khác	32		441.509.775	378.128.569
13. Lợi nhuận khác (40=30+31-32)	40		1.094.923.662	1.202.145.497
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(5.942.171.809)	10.672.254.775
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	2.407.738.434
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(5.942.171.809)	8.264.516.341



Trương Phú Chiến
Tổng Giám đốc
Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Ngô Thị Kim Phụng
Kế toán trưởng

Vũ Văn Thức
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MẪU SỐ B 03 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	(5,942,171,809)	10,672,254,775
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	2	9,685,899,418	8,193,653,169
- Các khoản dự phòng	3	(1,878,056,545)	624,445,100
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(1,259,549,294)	(7,542,454,572)
- Chi phí lãi vay	6	-	3,516,439,287
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	606,121,770	15,464,337,759
- Tăng/(giảm) các khoản phải thu	9	7,508,178,969	27,371,079,772
- Tăng/(giảm) hàng tồn kho	10	(364,050,645)	(1,696,256,094)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(41,167,178,005)	(42,381,283,592)
- Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12	816,333,271	(1,749,251,204)
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(3,561,425,386)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2,268,744,790)	(317,219,861)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2,975,616,000	853,387,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3,559,573,000)	(403,343,635)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(35,453,296,430)	(6,419,975,241)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2,106,892,232)	(6,753,832,336)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(150,219,877,000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	190,219,877,000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	7,477,649,016
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	18,365,404	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,263,615,796	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(824,911,032)	40,723,816,680
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1,432,134,564	4,422,928,670
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(205,022,670)	(20,625,982,341)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18,382,025,600)	(15,438,290,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(17,154,913,706)	(31,641,343,671)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(53,433,121,168)	2,662,497,768
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	60,205,056,669	88,976,998,453
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(9,909,215)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	6,762,026,286	91,639,496,221

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và cổ tức chưa thanh toán cho chủ sở hữu với số tiền lần lượt là 884.604.580 VND và 122.974.400 VND. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Trương Phú Chiến

Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Ngô Thị Kim Phụng

Kế toán trưởng

Vũ Văn Thúc

Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bibica (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 234/1998/QĐ-TTg ngày 01/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ từ việc cổ phần hóa ba phần xưởng: bánh, kẹo, nha thuộc Công ty Đường Biên Hòa, Giấy phép Đăng ký kinh doanh số 059167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16/1/1999, Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103010755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh đăng ký lại lần thứ hai ngày 05/07/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 13/5/2009.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103010755 đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 13/5/2009 là: 154.207.820.000 VND.

Danh sách cổ đông sáng lập:

<u>Danh sách cổ đông sáng lập</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>Giá trị cổ phần (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	250.000	2.500.000.000	2,32
Trần Xuân Trình	48.000	480.000.000	0,45
Phạm Thị Sum	45.000	450.000.000	0,42
Phan Văn Thiện	32.000	320.000.000	0,30
Nguyễn Văn Lộc	26.500	265.000.000	0,25
Lê Thị Kim Hoa	10.500	105.000.000	0,10
Trần Văn Lịch	10.110	101.100.000	0,09
Hoàng Thọ Vĩnh	10.000	100.000.000	0,09
Cộng	432.110	4.321.100.000	4,02

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2012 là 1.784 người (Tại ngày 31/12/2011 là 1.979 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, mua bán các sản phẩm: đường, bánh, kẹo, nha, rượu (thức uống có cồn), bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát (không sản xuất tại trụ sở Công ty); Kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện theo khoản 1 điều 10 Luật Kinh doanh bất động sản).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 443 Lý Thường Kiệt, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các đơn vị trực thuộc tại thời điểm 30/6/2012 như sau:

- Nhà máy Bibica Biên Hòa.
Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.
- Nhà máy Bibica Hà Nội.
Địa chỉ: Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Quận Long Biên, Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

Công ty có các Công ty con tại thời điểm 30/6/2012 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông	Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, tỉnh Bình Dương	100%	100%	Sản xuất các sản phẩm đường, bánh, kẹo, nha, bột dinh dưỡng, sữa, các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành; Sản xuất nước giải khát, bột giải khát; Mua bán các sản phẩm đường, bánh, kẹo, nha, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát.
Công ty Bibica Miền Bắc TNHH	Khu Công nghiệp Phố Mới A, tỉnh Hưng Yên	100%	100%	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm đường, bánh, kẹo, nha, bột dinh dưỡng; Sản xuất kinh doanh sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành; Sản xuất kinh doanh nước giải khát, bột giải khát.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính của Công ty đã được dịch sang Tiếng Anh từ bản Báo cáo tài chính phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Kỳ kế toán này được trình bày cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư số 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong thông tư 210, do đó các công cụ tài chính trong các báo cáo tài chính kỳ này vẫn được trình bày theo giá gốc. Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến các báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (theo thời điểm). Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

	Năm 2012 (Số năm khấu hao)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Thiết bị quản lý	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 12
Tài sản khác	4 - 7

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không trích khấu hao. Ngoài ra, tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, được phân bổ trong thời hạn từ 3 năm đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ nắm trên 50% quyền kiểm soát. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định, phí tư vấn, công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và các chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí thực tế phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí trả trước tương ứng với phần chênh lệch.

Nguồn vốn

Vốn điều lệ được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh được phân bổ vào chi phí trong vòng 5 năm tiếp theo.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	365.044.056	398.245.016
Tiền gửi ngân hàng	6.396.982.230	12.806.811.653
Các khoản tương đương tiền	-	47.000.000.000
Cộng	6.762.026.286	60.205.056.669

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	15.380.131.745	-
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(9.374.752.844)	-
Cộng	6.005.378.901	-

Ghi chú: Như đã trình bày tại thuyết minh số 15, Công ty có kế hoạch chuyển nhượng toàn bộ các cổ phiếu Công ty đang nắm giữ trong năm 2012 để tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh, theo đó Ban Giám đốc Công ty quyết định trình bày toàn bộ số dư các khoản đầu tư chứng khoán đang nắm giữ là khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, chi tiết như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)

	Số lượng cổ phiếu	Giá trị sổ sách (VND)	Giá trị thị trường (VND)	Dự phòng giảm giá (VND)
Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh				
Công ty Cổ phần Đá Hóa An	15.750	684.881.000	173.250.000	511.631.000
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành	90.771	2.305.557.334	826.016.101	1.479.541.233
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bình Thành	2	71.672	85.000	(13.328)
Công ty Cổ phần Đại lý Liên hiệp vận chuyển	3.330	273.092.000	80.586.000	192.506.000
Công ty Cổ phần HAPACO	26.045	766.727.922	151.061.000	615.666.922
Công ty Cổ phần Bao bì Mỹ Châu	41.052	975.259.756	607.569.600	367.690.156
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	8.400	645.430.500	86.520.000	558.910.500
Công ty Cơ điện lạnh Sài Gòn	74.998	4.383.221.256	1.184.968.400	3.198.252.856
Công ty Cổ phần dệt may Thành Công	8.842	164.448.732	76.925.400	87.523.332
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	41.930	1.681.341.799	930.846.000	750.495.799
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội				
Ngân hàng TMCP Á Châu	2	99.774	51.400	48.374
Thị trường OTC				
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	50.000	3.500.000.000	1.887.500.000	1.612.500.000
		15.380.131.745	6.005.378.901	9.374.752.844

Ghi chú: Dự phòng giảm giá cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn được lập trên phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị trường được công bố tại ngày 30/6/2012 trên trang web của Công ty Cổ phần Chứng khoán ACB.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	307.110.602.982	314.369.362.951
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan	1.137.301.945	380.739.420
Cộng	308.247.904.927	314.750.102.371

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty TNHH MTV Bibica miền Đông nộp lợi nhuận	22.956.205.632	22.956.205.632
Thuế nhập khẩu hàng tạm nhập tái xuất	1.597.288.797	847.482.165
Phải thu công đoàn công ty (thu hồi cổ phiếu CBCNV nghỉ việc)	393.975.000	385.775.000
Phải thu lãi tài khoản tiền gửi	-	257.277.778
Phải thu Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết (*)	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải thu BHXH	-	1.159.898.046
Phải thu khác	3.712.385.894	2.099.596.662
Cộng	33.659.855.323	32.706.235.283

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

Ghi chú: (*) Khoản cho Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết vay 05 tỷ đồng: Tại bản án số 20/2012/KDTM-ST ngày 21/6/2012 của Tòa án quận Tân Bình đã thông qua phán quyết Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết phải trả Công ty cả gốc và lãi với số tiền là 9.052.812.500 VND, tuy nhiên đến ngày 30/06/2012 Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết vẫn chưa thanh toán. Công ty đang làm công văn đề nghị tòa án thực hiện bản án nêu trên đối với Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết.

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Dự phòng các khoản phải thu khách hàng	536.261.171	1.152.076.204
Dự phòng phải thu Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết (*)	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	3.036.261.171	3.652.076.204

Ghi chú: (*) Mặc dù đã có phán quyết cuối cùng của Tòa án, tuy nhiên đến nay Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết vẫn chưa thanh toán đồng nào của khoản nợ vay 05 tỷ đồng như trình bày tại thuyết minh số 8. Công ty mới chỉ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 2,5 tỷ đồng cho khoản phải thu này.

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Hàng mua đang đi đường	323.425.736	327.392.367
Nguyên liệu, vật liệu	41.499.051.545	43.698.489.453
Công cụ, dụng cụ	977.237.767	1.080.687.646
Chi phí SX, KD dở dang	2.325.905.368	789.479.156
Thành phẩm	36.501.507.690	36.973.808.395
Hàng hóa	11.562.790.229	9.956.010.673
Cộng giá gốc hàng tồn kho	93.189.918.335	92.825.867.690
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.737.801.356)	(1.622.070.863)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	91.452.116.979	91.203.796.827

Trong kỳ, Công ty đã trích lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền lần lượt là 671.316.181 VND và 555.585.625 VND.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	433.076.281	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	591.762.890	388.931.810
Cộng	1.024.839.171	388.931.810

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA

493 Lý Thường Kiệt, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chínhCho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012
đến ngày 30/06/2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	63.206.988.363	193.995.206.615	15.248.218.624	5.917.531.705	183.695.159	278.551.640.466
- Mua trong kỳ	47.052.500	176.416.900	-	-	-	223.469.400
- Đầu tư XDCB bàn giao	1.621.519.540	-	-	2.788.617.733	-	4.410.137.273
- Thanh lý, nhượng bán	-	(47.213.200)	-	-	-	(47.213.200)
Tại ngày 30/06/2012	64.875.560.403	194.124.410.315	15.248.218.624	8.706.149.438	183.695.159	283.138.033.939
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	24.727.088.280	129.556.997.584	7.831.950.117	4.982.134.103	45.227.852	167.143.397.936
- Khấu hao trong kỳ	1.752.392.245	6.371.298.277	757.650.984	686.812.284	12.049.044	9.580.202.834
- Thanh lý, nhượng bán	-	(43.146.698)	-	-	-	(43.146.698)
Tại ngày 30/06/2012	26.479.480.525	135.885.149.163	8.589.601.101	5.668.946.387	57.276.896	176.680.454.072
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2012	38.479.900.083	64.438.209.031	7.416.268.507	935.397.602	138.467.307	111.408.242.530
Tại ngày 30/06/2012	38.396.079.878	58.239.261.152	6.658.617.523	3.037.203.051	126.418.263	106.457.579.867

Tại ngày 30/6/2012, nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 78.697.669.144VND (tại ngày 31/12/2011 là 79.720.216.198 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	256.080.000	3.357.097.152	3.613.177.152
Tăng trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Tại ngày 30/06/2012	256.080.000	3.357.097.152	3.613.177.152
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	-	2.093.223.517	2.093.223.517
Khấu hao trong năm	-	130.593.246	130.593.246
Giảm khác trong kỳ	-	(24.896.662)	(24.896.662)
Tại ngày 30/06/2012	-	2.198.920.101	2.198.920.101
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2012	256.080.000	1.263.873.635	1.519.953.635
Tại ngày 30/06/2012	256.080.000	1.158.177.051	1.414.257.051

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Dự án Công ty Bibica Miền Bắc TNHH (*)	29.187.993.342	29.065.929.794
Dự án xử lý nước thải Nhà máy Bibica Biên Hòa	-	3.660.129.728
Dự án SAP	2.250.134.830	527.655.548
Dự án kẹo Lolipop	2.087.800	-
Dự án tăng năng suất kẹo dẻo	171.389.237	-
Cộng	31.611.605.209	33.253.715.070
	Từ 01/01/2012	Năm 2011
	đến 30/06/2012	VND
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	33.253.715.070	35.120.524.827
Tăng	2.768.027.412	6.775.088.411
Kết chuyển sang tài sản cố định	(4.410.137.273)	(8.476.573.168)
Giảm khác	-	(165.325.000)
Số dư cuối kỳ	31.611.605.209	33.253.715.070

Ghi chú: (*) Khoản đầu tư vào Công ty Bibica Miền Bắc TNHH do Công ty đầu tư đang trong giai đoạn triển khai xây dựng dở dang. Công ty sẽ bàn giao toàn bộ giá trị xây dựng nhà máy này cho Công ty Bibica Miền Bắc TNHH quản lý và sử dụng khi dự án xây dựng nhà máy hoàn tất trong thời gian tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con		
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông	65.294.339.551	65.294.339.551
Đầu tư dài hạn khác		
Đầu tư cổ phiếu	-	15.398.497.149
Cộng	65.294.339.551	80.692.836.700
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn		
Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu	-	(10.752.724.849)
Gía trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác	65.294.339.551	69.940.111.851

Do Công ty có kế hoạch chuyển nhượng toàn bộ các khoản đầu tư cổ phiếu do Công ty đang nắm giữ trong năm 2012 để tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh nên Ban Giám đốc Công ty quyết định trình bày toàn bộ số dư các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn về là các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền thuê đất tại KCN Sài Đồng B	1.838.288.140	1.901.452.075
Phí tư vấn	84.125.006	182.271.670
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.358.171.465	1.020.273.029
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.363.992.047	1.457.965.812
Chi phí trả trước dài hạn khác	19.812.682	554.972.167
Cộng	4.664.389.340	5.116.934.753
	Từ 01/01/2012	Năm 2011
	đến 30/06/2012	VND
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	5.116.934.753	4.471.698.893
Tăng	527.813.491	800.881.834
Phân bổ vào chi phí trong năm	(980.358.904)	(155.645.974)
Số dư cuối kỳ	4.664.389.340	5.116.934.753

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)	2.103.247.640	876.135.746
Cộng	2.103.247.640	876.135.746

Ghi chú: (*) Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay cá nhân cán bộ công nhân viên kỳ hạn dưới 1 tháng và có thể rút gốc bất cứ lúc nào, lãi suất là 0,98%/tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn cho người bán	79.568.942.484	75.773.024.761
Cộng	79.568.942.484	75.773.024.761

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	695.812.630	10.786.594.575
Thuế xuất, nhập khẩu	241.813.080	2.394.458.043
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.835.668.512
Cộng	937.625.710	15.016.721.130

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Qũy lương bổ sung	3.436.094.366	10.494.096.137
Chi phí maketing	2.974.574.003	11.291.490.547
Lương bộ phận bán hàng	2.639.024.090	4.310.510.548
Chi phí vận chuyển	1.796.763.594	5.918.738.344
Chi phí thuê mặt bằng, trưng bày	1.633.994.122	3.603.890.745
Hoa hồng, thưởng doanh số	606.611.258	5.502.704.985
Tiền điện, nước	330.779.900	268.385.520
Thù lao Hội đồng quản trị	-	150.000.000
Chi phí xử lý nước thải	-	741.440.704
Chi phí khác	347.345.685	577.937.336
Cộng	13.765.187.018	42.859.194.866

21. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	298.371.936	253.139.329
Kinh phí công đoàn	528.961.241	519.406.309
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	637.782.640	1.142.570.093
Cổ tức phải trả	122.974.400	97.623.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.610.613.209	531.353.664
Cộng	3.198.703.426	2.544.092.395

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA

493 Lý Thường Kiệt, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu B 09-DN**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 31/12/2010	154.207.820.000	302.726.583.351	(543.191.032)	39.909.445.831	7.155.431.382	41.117.533.196	544.573.622.728
Trích lập các quỹ	-	-	-	22.193.023.772	2.089.000.000	(26.371.023.772)	(2.089.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(15.407.192.000)	(15.407.192.000)
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	46.369.336.078	46.369.336.078
Tăng khác	-	-	860.529.968	-	-	-	860.529.968
Số dư tại 31/12/2011	154.207.820.000	302.726.583.351	317.338.936	62.102.469.603	9.244.431.382	45.708.653.502	574.307.296.774
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	23.228.000.000	2.318.000.000	(27.864.000.000)	(2.318.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(18.505.000.000)	(18.505.000.000)
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	(5.942.171.809)	(5.942.171.809)
Giảm khác	-	-	(317.338.936)	-	-	-	(317.338.936)
Số dư tại 30/06/2012	154.207.820.000	302.726.583.351	-	85.330.469.603	11.562.431.382	(6.602.518.307)	547.224.786.029

Ghi chú: (*) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 24/3/2012, Công ty đã phân phối lợi nhuận như sau: Trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng phúc lợi và chia cổ tức năm 2011 (12% mệnh giá) với số tiền lần lượt là 23.228.000.000 VND, 2.318.000.000 VND, 2.318.000.000 VND và 18.505.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103010755 đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 13/5/2009 là 154.207.820.000 VND. Tại ngày 30/6/2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp tại 30/06/2012 VND	Vốn đã góp tại 31/12/2011 VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn Lotte Hàn Quốc	46.500.000.000	46.500.000.000	30,2
Cổ đông khác	107.707.820.000	59.550.000.000	38,6
	154.207.820.000	106.050.000.000	68,8

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty:

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.420.782	15.420.782
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	15.420.782	15.420.782
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	15.420.782	15.420.782
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu		

23. DOANH THU BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
- Doanh thu bán hàng hóa	359.861.996.626	394.662.203.312
Các khoản giảm trừ doanh thu	5.513.906.555	5.281.834.501
Trong đó:		
- Hàng bán bị trả lại	5.513.906.555	5.281.834.501
Doanh thu thuần bán hàng	354.348.090.071	389.380.368.811

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Giá vốn hàng hóa	281.353.350.201	318.450.231.204
Cộng	281.353.350.201	318.450.231.204

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	178.796.370.402	175.551.915.876
Chi phí nhân công	58.533.013.635	49.143.892.816
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.664.567.494	8.269.765.115
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.086.410.228	35.419.492.902
Chi phí khác bằng tiền	1.333.823.374	3.094.718.120
Cộng	297.414.185.133	271.479.784.829

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.019.693.580	6.501.153.534
Cổ tức, lợi nhuận được chia	301.699.809	1.041.301.038
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	136.527.716	1.808.199.962
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.377.972.004	-
Cộng	2.835.893.109	9.350.654.534

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lãi tiền vay	-	3.516.439.287
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	379.997.433
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	10.552.404	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	551.865.777	1.702.425.999
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	624.445.100
Cộng	562.418.181	6.223.307.819

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	(5.942.171.809)	10.672.254.775
Các khoản điều chỉnh giảm	301.699.809	1.041.301.038
Cổ tức lợi nhuận được chia	301.699.809	1.041.301.038
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	262.500.000	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	673.015.203	-
Chuyển lỗ các năm trước sang		
Thu nhập chịu thuế	(5.833.356.415)	9.630.953.737
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	-	2.407.738.434

Ngoài khoản chi phí không được khấu trừ nêu trên, trong năm Công ty xác định lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh do hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ bao gồm sản xuất, kinh doanh bán lẻ.

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận 6 tháng đầu năm 2012

Chỉ tiêu	Miền Nam	Miền Bắc	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	228.214.810.340	126.133.279.731	354.348.090.071
2. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh	9.155.599.261	(15.097.771.070)	(5.942.171.809)
3. Chi phí khấu hao và chi phí trả trước dài hạn phân bổ trong kỳ	9.089.222.925	1.577.035.397	10.666.258.322
4. TSCĐ và tài sản dài hạn khác tăng trong kỳ	4.633.606.673	-	4.633.606.673
5. Nợ phải trả	46.344.397.470	68.128.403.193	114.472.800.663
6. Tổng tài sản	608.666.954.569	53.030.632.123	661.697.586.692

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Báo cáo bộ phận 6 tháng đầu năm 2011

Chỉ tiêu	Miền Nam	Miền Bắc	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	252.682.517.316	136.694.851.495	389.377.368.811
2. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh	26.956.601.735	(18.692.085.394)	8.264.516.341
3. Chi phí khấu hao và chi phí trả trước dài hạn phân bổ trong kỳ	7.293.268.053	900.385.116	8.193.653.169
4. TSCĐ và tài sản dài hạn khác tăng trong kỳ	9.359.568.707	-	9.359.568.707
5. Nợ phải trả	89.668.451.343	9.791.498.337	99.459.949.680
6. Tổng tài sản	508.104.889.179	153.773.606.358	661.878.495.537

Doanh thu bán hàng của bộ phận miền Nam bao gồm doanh số bán hàng trong khu vực từ tỉnh Quảng Bình đến tỉnh Cà Mau. Doanh thu bán hàng của bộ phận miền Bắc bao gồm doanh số bán hàng từ tỉnh Hà Tĩnh trở ra các tỉnh phía Bắc.

Tài sản và công nợ của bộ phận kinh doanh miền Nam bao gồm tài sản và công nợ của Nhà máy Bibica Biên Hòa và văn phòng Công ty. Tài sản và công nợ của bộ phận kinh doanh miền Bắc bao gồm tài sản và công nợ của Nhà máy Bibica Hà Nội.

30. DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY BIBICA MIỀN BẮC

Hiện tại dự án Nhà máy Bibica Miền Bắc đang trong giai đoạn đầu tư, một số thông tin liên quan đến dự án như sau:

- Địa điểm thực hiện dự án: Đường 206, khu B, khu Công nghiệp phố nổi A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên;
- Tổng số vốn đầu tư đăng ký: 265 tỷ đồng;
- Thời gian thực hiện dự án: Từ ngày 25/10/2007 đến ngày 15/01/2054;
- Thời gian dự kiến đi vào hoạt động: Tháng 12/2012;
- Chi phí đầu tư lũy kế đến 30/6/2012 là 29.187.993.342 đồng trong đó chủ yếu là tiền thuê đất.

31. THÔNG TIN KHÁC

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	615.000.000	632.179.700
Thù lao Hội đồng Quản trị	708.600.300	180.000.000
Cộng	1.323.600.300	812.179.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên bảng câu đối kế toán năm 2011 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác. Riêng báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 đã được soát xét bởi một Công ty kiểm toán khác.



Trương Phú Chiến
Tổng Giám đốc
Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Ngô Thị Kim Phụng
Kế toán trưởng

Vũ Văn Thức
Người lập